

Hội Ngộ Với Thầy Nguyễn Thanh Liêm

- Đường Sơn -

Nhắc đến giáo sư Nguyễn Thanh Liêm thì đa số các học sinh trung học thế hệ của tôi tưởng nhớ về nền văn đề giáo dục của Miền Nam Việt Nam; vì ông từng là hiệu trưởng trung học nổi tiếng tại thủ đô Sài Gòn là Petrus Ký, sau đó giữ nhiệm vụ thanh tra giáo dục; rồi được bổ nhiệm là thứ trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục cho đến năm 1975. Bài biên khảo này cũng ghi nhớ lại thời quá khứ về nền giáo dục tại miền Nam mà tôi với tư cách là một học sinh trung học trước 1975; hội ngộ với thầy Nguyễn Thanh Liêm tại Mỹ, tháng Bảy, năm 2009, như là một thành viên của Văn Đoàn Đồng Tâm.

Với tư cách là một cựu học sinh trưởng thành tại Miền Nam Việt Nam, tôi đã thừa hưởng một nền giáo dục nhân bản, giá trị đạo đức, luân lý căn bản từ triết học, xã hội học và khoa học v.v... nhờ sự điều hành, nghiên cứu chương trình giảng dạy của bộ cùng với các tông sự của giáo sư Nguyễn Thanh Liêm từ năm 1973. Hành trang của tôi lúc vượt biên ra đi chỉ là kiến thức còn ẩn chứa trong đầu mình, nhưng cho dù bao năm qua, khi tôi nhớ lại lúc mình còn ở trung học, các giờ Quốc Văn, Công Dân, Triết v.v.. tôi chưa nghe bài giảng nào là dạy chúng tôi căm thù ai, nhất là cộng sản hay người Việt bên kia bờ vĩ tuyến; chúng tôi được học môn triết của cả Đông lẫn Tây, duy tâm lẫn duy vật, tự so sánh và tìm tòi. Điều đó cho thấy, bộ Quốc Gia Giáo Dục khi soạn chương trình cũng đặt nền tảng luân lý, đạo đức có từ lâu đời lên hàng đầu. Từ năm 1963, sau khi nền đệ nhất Cộng Hoà tại miền Nam cáo chung thì quân lực Việt Nam Cộng Hoà phải đối đầu với nhiều lực lượng - cộng sản chính quy, mặt trận giải phóng miền Nam du kích nằm vùng; các nhóm trung lập bị giựt dây, các bè phái phá rối dưới chiêu bài tôn giáo v.v...; nhiều vấn đề phức tạp của xã hội lại hội tụ trên mảnh đất nhỏ bé ở miền Nam Việt Nam với gần mười bảy triệu người; chính vì thế mà sự bảo tồn và phát triển mặt văn hoá, giáo dục trong bối cảnh bấy giờ cũng gay go, khó khăn không kém phần chánh trị và quân sự nhất là các tỉnh xa thủ đô, những vùng “xôi đậu” như quê ngoại của tôi chẳng hạn.

Những người lãnh đạo về văn hóa, giáo dục đã đóng góp cho miền Nam Việt Nam từ 1954 -1975 những gì? Thay vì trả lời câu hỏi này; chúng ta hãy so sánh giữa hai nền văn hoá, giáo dục của hai miền vào giai đoạn đó. Trong khi ngoài Bắc, sau 1954, giới sĩ phu bị xem thường, không được trọng dụng vì chính sách vô sản, trí thức không có lợi cho xã hội cộng sản; rồi đến cải cách ruộng đất, cách mạng văn hoá như vụ nhân văn giai phẩm, giáo dục một chiều khiến xã hội không phát triển về mặt văn chương, tư tưởng này mà như lùi lại. Không có còn cách gì để trám khoảng trống ấy vì văn hoá duy vật khô cứng đó, họ tạo một thể hệ từ học đường đến xã hội là dạy thù hận, tất cả cho chiến tranh khiến cho giáo dục trì trệ (chúng ta hãy nhìn Bắc Hàn ngày nay mà suy ngẫm); đến cả các môn căn bản khoa học như toán - cộng, trừ, nhân, chia cũng có bản, giết. Những văn, thi sĩ từng đóng góp đưa chữ Quốc ngữ lên một vị trí xứng đáng là tiếng nói của dân tộc (xin mở ngoặc, tôi không nêu bút hiệu của các tiền bối ấy. Thi, văn, nhạc cùng các sáng tác có giá trị văn chương trước 1945 của họ cũng được đưa vào trong chương trình giảng dạy ở bậc trung học tại miền Nam, nhưng đọc giả cũng biết các vị đó là ai) thì ngưng hẳn, không thi thố gì được, số sĩ phu còn tư cách nhà nho, nhà giáo thì chọn con đường bất hợp tác, vô thường, vô phạt; một số ảnh hưởng dân chủ của Tây Âu lên tiếng thì bị tù đầy, hay uất ức mà chết vì sáng tác không đúng đường lối. Chúng ta dễ dàng nhận thấy điểm này qua lăng kính giáo dục sau năm 1975, những ai còn ở lại được học hành của chế độ mới “vĩ đại”, “ưu việt” và “đỉnh cao trí tuệ” là đa số các phó tiến sĩ từ Bắc vào Nam giảng dạy tại các trường trung học, đại học, nhất là những môn khoa học; kiến thức của họ quá hạn hẹp nhất là các phát minh thuộc khối Tây Âu, các bài giảng thì cái gì cũng hầu hết đều do Liên Xô vĩ đại phát minh; vì đa số vẫn sau cùng của tên các nhà bác học Nga là “ov - ốp”. Vì thế, thời đó chúng tôi thường chế diễu là: “Cái gì phát minh ra cũng từ Bốp Xốp hết.” Còn môn Quốc văn thì thôi miễn bàn; các văn thơ sặc mùi “chỉ thị và nô lệ”.

Xoay ngược kim chỉ nam, một trăm tám mươi độ thì tại miền Nam, nền văn hóa, giáo dục phát triển không ngừng. Thời đệ nhất Cộng Hoà, tuy tình hình chưa yên ổn, nhưng cũng phát triển rất nhanh. Nhà văn Võ Phiến đã nhận định:” Trong khung cảnh thái bình, nước nhà vừa có chủ quyền ..., chính phủ đang được tín nhiệm, trong không khí vui vẻ xây dựng một miền đất tự do, văn học nghệ thuật đã phát triển nhanh chóng mạnh mẽ.

Tình hình văn học trong giai đoạn mở đầu miền Nam phản ánh cái phần khởi, tin tưởng, tích cực.... Sang giai đoạn sau cả văn nhân lẫn văn chương đều hóa ra phong trần...” (Văn học miền Nam tổng quan, Võ Phiền, trang 207). Điểm ưu việt mà tôi nhận thức sự may mắn của mình là được sinh trưởng tại miền Nam, hấp thụ nền văn hóa tự do, nhân bản này.

Sau khi nghiên cứu các bối cảnh lịch sử cận đại; tôi nhận thấy rằng: “Chương trình giảng dạy được soạn thảo từ bộ Quốc Gia Giáo Dục tại Miền Nam Việt Nam từ năm 1954 cho đến năm 1975 đã đưa chữ Quốc Ngữ đến một mức độ tương đối hoàn chỉnh nhất có thể so sánh cùng ngôn ngữ của các nước khác trên thế giới, mặc dù chúng ta không có hàn lâm viện quốc gia.” Về điểm này thì chúng ta cùng suy ngẫm lại là - Ba mươi lăm năm trôi qua từ ngày cộng sản cưỡng chiếm miền Nam thì chữ Quốc ngữ trong nước phát triển như thế nào? Thay vì trả lời hay đánh giá câu hỏi này, chúng ta cũng xem lại quá trình phát triển Việt ngữ của hai thế hệ - 1. Tiên bán thế kỷ hai mươi - chỉ không đầy 21 năm (tôi xin lấy năm cuối cùng chấm dứt thi chữ Hán, chữ Nôm – 1919 làm mốc thời gian cho đến năm 1939 khởi đầu cho thế chiến thứ hai - tất cả đều bận rộn, bao nhiêu công sức, của cải đều đưa vào chiến tranh) mà các nhà văn hoá, giáo sư quốc văn, văn, thi sĩ cùng nhóm Tự Lực Văn Đoàn... đã đưa chữ Quốc ngữ cải tiến không ngừng thay thế chữ viết cho dân tộc ta cho đến ngày nay. Cao trào sáng tác văn, thi, báo chí cực thịnh đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ nhất là thập niên ba mươi. 2. Một phần tư thế kỷ còn lại của hai mươi đến nay thì sao (1975-2010)? Chữ Việt trong nước vẫn đậm chân, nếu không nói là bị lùi lại vì các phát minh vô tình hay cố ý một cách lạ lùng, bệnh hoạn, tuyên truyền chữ nghĩa – chữ Hán Việt ai cũng hiểu thì họ bỏ thay vào chữ Việt hoàn toàn khó hiểu; còn chữ Việt đang dùng thì họ thay bằng chữ Hán Việt khó hiểu; “nói tắt” “cụm từ” v.v..., nói, nghe đôi khi không hiểu nghĩa gì, nhất là các từ khoa học, chuyên môn, y khoa ... Khi một người bạn cũ đang ở trong nước nói danh từ y khoa, kỹ thuật như “trên trời rơi xuống” thì thay vì tôi cố suy ngẫm ra để hiểu tiếng Việt nghĩa là gì! Cách tốt nhất là tôi hỏi người bạn cho biết chữ đó dịch qua tiếng Anh hay Pháp như thế nào! Thí dụ đơn giản là: thay vì chữ “ghi danh” thì họ dùng chữ “đăng ký”, thay vì “không dây” (wireless, dùng laser hay infra-red) thì lại dùng “phi tuyến”, thế kỷ hai mươi một thì thôi chữ “liên hệ” dùng bừa bãi trong nhiều trường hợp “liên hệ với anh X để lấy số di động”; thay vì buổi tiệc “thịnh soạn” hay “lớn” – thì lại là “hoành tráng” dịch từ tiếng Hán v.v.... Rất nhiều danh từ kỹ thuật tiếng Anh dịch qua Việt ngữ hay Hán Việt khó hiểu hơn là dùng trực tiếp Anh ngữ.

Đọc các bài viết trên mạng của những người tỵ nạn, tự do; chúng ta phải công nhận rằng người Việt hải ngoại khắp năm châu vẫn duy trì tiếng Việt trước 1975 một cách hữu hiệu dù biên soạn của họ có nghiêng về chính kiến nào! Xin trích một đoạn mà trong bài biên khảo của tôi về giáo sư Lê Hữu Mục: “Nếu chúng ta đối chiếu hai bản lịch sử Việt Nam cận đại bằng Anh ngữ từ khi chế độ phong kiến cáo chung thì rõ ràng bản lịch sử của cộng sản trong nước lập lờ, sai trái, khó có thể dùng bổ túc trong chương trình Việt Ngữ để giảng dạy cho các em học sinh ở hải ngoại, nhưng các học sinh thì sử dụng Anh ngữ thuần thực hơn cho nên đôi lúc chúng bị lẫn lộn; thí dụ như Sino-Vietnam, chúng không hiểu là Việt Nam bị chia cắt làm đôi vào ngày 20 tháng Bảy 1954.” Còn chương trình giảng dạy tại Úc thì các giới lãnh đạo về văn hoá vẫn theo căn bản chữ Việt trước 1975.

Thế hệ sanh sau 1975, trưởng thành hấp thụ văn hoá trong nước nhưng khi họ du học qua Úc ghi danh học thêm môn Việt Ngữ cũng được thừa hưởng công trình văn hóa, giáo dục này. Học sinh thi môn trắc nghiệm Việt ngữ cũng cố tránh dùng các chữ mà các em hay dùng trong nước; thí dụ như thay gì nói “xử lý vấn đề” thì “giải quyết vấn đề”. Cho đến bây giờ thì hầu hết các giáo sư viết chương trình giảng dạy môn Việt ngữ tại tiểu bang Victoria, Úc Đại Lợi đều là những người tỵ nạn. Biên khảo về phần văn hoá này, tôi không dám đánh giá đúng hay sai; Bắc hay Nam – Trước hay Sau 1975 - Hay hay Kém – mà chỉ đưa một số thí dụ để chúng ta so sánh.

Nhìn lại về sự giáo dục trước 1975 tại miền Nam, các giới thẩm quyền, bộ, ty, sở về giáo dục phải có những dự án lớn, tầm nhìn hơn cho các thế hệ sau (broad and future vision); họ phải nghiên cứu cải tổ phương pháp giáo dục theo tính hình của từng địa phương; do đó có nhiều đại học thiết lập tại các thành phố lớn – theo sự suy nghĩ cá nhân tôi thì điều này nói thì dễ mà làm thì rất khó! Thành lập trường đại học, cao đẳng v.v... thì không khó, chỉ có “tiền”, nhưng khó là tìm đâu những thầy, cô được đào tạo có bằng cao học, tiến sĩ hẳn hoi, có khả năng mà giảng dạy các trường đó? Họ được đào tạo ở đâu? 1. Các du học sinh qua nước tiên tiến thì chỉ có một số rất ít là trở về để phục vụ cho nền giáo dục tại miền Nam. 2. Trong khi đó thì thống kê trong bối cảnh, xã hội miền Nam lúc đó thì tỉ lệ có bằng đại học, cử nhân rất thấp! Tuy nhiên miền Nam Việt Nam có nhiều đại học

nổi tiếng và được đánh giá cao ở nước ngoài. Khi tôi đến Úc năm 1980, các đại học tại tiểu bang Victoria – Úc Châu chỉ nhận bằng cấp của hai trường là Y Khoa Sài Gòn (Huế thì xét lại quá trình tu nghiệp) và Đại Học Phú Thọ. Họ có thể chuyển bằng và hành nghề nếu đã từng làm việc công việc đó tại Việt Nam trước 1975. Tuy nhiên đại đa số thì họ trở lại đại học ở Tiểu Bang hai, ba năm cho đủ trình độ căn bản Anh Ngữ và học thêm các kỹ thuật, chuyên môn mới cho ngành nghề được dạy ở bậc đại học nhất là ngành y với các máy móc hiện đại trang bị tia –X và laser. Thời thập niên sáu mươi, miền Nam đã có những đại học hầu như mọi ngành nghề trong quá trình văn minh lúc đó như trường khoa học, trường sư phạm, trường y, trường dược, trường kỹ sư Phú Thọ, trường Quốc Gia Hành Chánh với các đại học Sài Gòn, Đà Lạt, Huế. Sau đó vì sự phát triển, dân số miền Tây gia tăng thì chúng ta có thêm đại học Cần Thơ.

Những công trình, kế hoạch của bộ, ty, sở giáo dục của miền Nam Việt Nam thật là cao cả, những người thừa hưởng công trình bồi đắp cho văn hóa đó, kiến thức đó - trực tiếp là thế hệ của tôi, gián tiếp là con em, cháu của thế hệ thứ nhì tại các nước tiên tiến như Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Tây Âu, Úc và Tân Tây Lan v.v... Bộ Giáo Dục cũng không quên những phát triển trường chùng như bị bỏ quên thuộc địa phương như viện hải dương học tại Nha Trang, trường Nông Nghiệp tại Miền Tây mà trụ sở chánh đặt tại Cần Thơ, Trường Nông Lâm Súc v.v.... Chúng ta hãy đặt câu hỏi và tùy sự suy nghĩ của mỗi cá nhân mà trả lời:” Một nước chiến tranh, trong khi quân đội phải đối đầu với cộng quân cùng với nhiều thành phần đối kháng; chương trình văn hoá, giáo dục giảng dạy tại Miền Nam lại phát triển với tầm vóc quốc tế như thế.” Nhiều học sinh miền Nam Việt Nam của thập niên 60, 70 đã du học qua các nước Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Nhật, Bỉ, Úc v.v...rất xuất sắc, nhiều người có bằng Cao Học, Tiến Sĩ... Được chính phủ các nước đó trọng dụng. Đó là chưa kể giáo sư Nguyễn Xuân Vinh – là một người xuất thân từ quân đội của miền Nam Việt Nam Cộng Hoà, một khoa học gia nổi tiếng về không gian của Hoa Kỳ; sự nghiệp của ông ta cao cả, hãnh diện cho dân tộc Việt Nam. Cùng thời đó - một người cũng khá nổi tiếng ở ngoài Bắc được bên Pháp biết đến là bác sĩ Tôn Thất Tùng chuyên gia về tim mạch (?) Xin đọc giả tự nghiên cứu.

Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm sau khi nhậm chức Thứ Trưởng Bộ Giáo Dục là nghiên cứu, cải tổ nhiều chương trình, nhiều dự án. Tôi xin ghi một dự án của ông đã ảnh hưởng trực tiếp đến chúng tôi khi còn ở bậc trung học và liên quan đến nền giáo dục tại địa phương, các tỉnh xa thủ đô – đó là cải tổ hệ thống hành chánh giáo dục vì nhu cầu. Ngoài việc bộ sắp xếp các cơ sở giáo dục tại trung ung, thủ đô cũng như các thành phố lớn; miền Nam được chia ra nhiều khu để đáp ứng nhu cầu và tình hình của từng khu bao gồm nhiều tỉnh lân cận, trực tiếp điều hành bởi Trưởng Khu Giáo Dục, đến mỗi tỉnh thì lại có một trường ty giáo dục trực tiếp điều hành các trường trung học lẫn tiểu học. Điểm khác biệt chánh này với hệ thống cũ là trước đó mỗi tỉnh chỉ có trường ty tiểu học, các trường trung học tự lo lấy, vì nhu cầu cho học sinh cấp ba hay trung học đệ nhị cấp mà các thầy tự đứng ra vận động mở trường. Nhưng cũng vì tỉ lệ giáo viên học sinh không đồng đều cho nên một vài trường trung học như Võ Văn, dù tọa lạc tại trung tâm thị xã Rạch Giá nơi phồn thịnh nhất của tỉnh mà vẫn phải đóng cửa. Vì có trung học đệ nhị cấp cho nên thi tú tài I hay II đều tại tỉnh; trước đó ba bốn năm trước tôi còn nhớ là năm 1969, cô, chú tôi khi thi tú tài một phải lên Long Xuyên hay Cần Thơ trước hai hay ba tuần. Do đó các học sinh nghèo rất là khó khăn thường thì họ chọn Long Xuyên

Thầy Hồ Văn Thủy đến từ Việt Nam sang dự Hội Ngộ Liên Trường Kiên Giang lần thứ mười được tổ chức ở Nam Cali – Los Angeles ngày 5 tháng Bảy 2009 lại nhắc đến thầy Nguyễn Thanh Liêm. Ngoài danh sách đồng đủ thầy cô, cựu học sinh Kiên Giang từ khắp nơi trên thế giới, kỳ này còn có các vị khách của Văn Đàn Đồng Tâm (VĐĐT) là thầy Sỹ, thầy Liêm và văn thi hữu. Tin giờ chót thì thầy Sỹ không đến dự được, nên chúng tôi chỉ chờ thầy Nguyễn Thanh Liêm, ông Bà Trần Việt Hải và thi sĩ Nguyễn Tiến Quỳnh Giao. Sau khi giới thiệu, trao vòng hoa cho các thầy cô xong thì - Thầy Thủy rời bàn ăn đến hỏi ban tổ chức số ghế, bàn của thầy Liêm ngồi. Anh Lượng trong ban tổ chức và tiếp tân, nghe nói là một cố vấn của VĐĐT, bèn gọi Cẩm Tú và tôi vào hỏi thì mới hay là Thầy Liêm cũng bận việc giờ chót không thể dự được. Thầy Thủy nói:” Nghe có Nguyễn Thanh Liêm dự hội ngộ cho nên tôi rất mừng phải sắp xếp gặp ông ấy kỳ này. Đã lâu lắm rồi.” Tôi bèn trả lời:” Thầy muốn gặp thầy Liêm thì chỉ có cách là tham dự buổi kỷ niệm đệ tứ chu niên của VĐĐT vào Chủ nhật tuần sau ngày 12 tháng 7, 2009. Chúng con trong ban tổ chức hội ngộ Kiên Giang cũng có mặt.” Khi chúng tôi dự buổi kỷ niệm đệ tứ chu niên thì thầy Thủy còn kẹt ở San Jose chưa về Los Angeles kịp. Tham dự buổi đệ tứ chu niên của VĐĐT’ đây là một cơ hội hiếm có phải nói là cuộc đời con người yêu văn chương, thi

phú, ca nhạc đều ao ước vì chúng tôi đã diện kiến cũng như chụp hình chung với các thầy Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Xuân Vinh, nhạc sĩ Anh Bằng v.v... và các anh chị em trong VĐĐT. Sau đó thì nhóm cựu học sinh Kiên Giang - Nam Cali cũng sắp xếp cho thầy Thuý gặp “sếp” cũ của mình hôm sau.

Nguyễn Thanh Liêm - giáo sư, hiệu trưởng trung học, thanh tra, nhà giáo dục hiếm có tại miền Nam cùng với các tông sự của thầy, trong một bối cảnh chiến tranh gay go, khó khăn, nhưng đã hoạch định, hướng dẫn, đào tạo một thế hệ nền văn hoá đạo đức, luân lý, nhân bản; ảnh hưởng của nền văn hoá ấy cũng theo chân người Việt tự do và đang phát triển tại hải ngoại. Để kết luận bài này, tôi xin ghi lại lời nhận xét của một cựu hiệu trưởng trường trung học Nguyễn Trung Trực Kiên Giang, mà trước năm 1975, đã có một khoảng thời gian làm việc chung với thầy Liêm:” Nói về giáo sư Nguyễn Thanh Liêm, cũng như tên họ của ông như vậy – Thanh Liêm, mẫu thầy giáo đúng nghĩa. Nếu trong chính trường Miền Nam Việt Nam có Thủ Tướng Trần Văn Hương – phong cách của một sĩ phu đáng kính thì trong ngành giáo dục – Giáo sư Liêm cũng được xếp vào bậc thầy khả kính, xứng đáng cho thế hệ sau noi gương theo.”

Đường Sơn